

Số: 654/QĐ-CVCX

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm Thuê dịch vụ Chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh gói thầu Chăm sóc, bảo dưỡng mảng xanh Khu vực 4,5 thuộc công trình Bảo trì công trình hạ tầng và tiện ích công cộng tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh

### GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV CÔNG VIÊN CÂY XANH TP.HCM

Căn cứ Quy chế làm việc của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh TP.HCM (sau đây được gọi tắt là Công ty) được ban hành kèm Quyết định số 56/QĐ-HĐTV ngày 05/01/2024 của Hội đồng thành viên Công ty;

Căn cứ Quyết định số 1649/QĐ-HĐTV ngày 02/7/2025 của Hội đồng thành viên Công ty về việc ban hành Quy chế lựa chọn nhà thầu trong hoạt động mua sắm của Công ty;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh doanh tại Tờ trình số 151/TTr-KD ngày 13/3/2026 về việc trình Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm Thuê dịch vụ Chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh gói thầu Chăm sóc, bảo dưỡng mảng xanh Khu vực 4,5 thuộc công trình Bảo trì công trình hạ tầng và tiện ích công cộng tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm Thuê dịch vụ Chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh gói thầu Chăm sóc, bảo dưỡng mảng xanh Khu vực 4,5 thuộc công trình Bảo trì công trình hạ tầng và tiện ích công cộng tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Phòng Kinh doanh, phòng Kỹ thuật chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Trưởng phòng Kinh doanh, Trưởng phòng Kỹ thuật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐTV; KSV;
- Các PGĐ, KTT;
- Các phòng;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, KD. Thủy.

GIÁM ĐỐC



Lê Thành Khoa

**Phụ lục 1**



**DỰ TOÁN MUA SẴM THUÊ DỊCH VỤ CHĂM SÓC, BẢO DƯỠNG CÂY XANH GÓI THẦU CHĂM SÓC, BẢO DƯỠNG MẢNG XANH KHU VỰC 4,5 THUỘC CÔNG TRÌNH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG VÀ TIỆN ÍCH CÔNG CỘNG TẠI KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Kèm theo Quyết định số 654/QĐ-CVCX ngày 13 tháng 3 năm 2026)*

*ĐVT: đồng*

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
<b>1</b>	<b>Khu vực 4</b>				
<b>1.1</b>	<b>I. Công viên kỷ niệm 15 năm Ngày thành lập Khu công nghệ cao TP.HCM (tưới nước thủy cục)</b>				
1.1.1	Duy trì cây bóng mát loại 1	1 cây/năm	82,000	216.439	17.748.006
1.1.2	Mé nhánh không thường xuyên cây xanh - Cây xanh loại 1	1 cây/lần	82,000	453.641	37.198.533
1.1.3	Vận chuyển rác cây lấy cành khô, cành gãy do mưa bão, cắt mé tạo tán, tạo hình - Cây xanh loại 1	1 cây	82,000	16.439	1.347.996
1.1.4	Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng thủ công	100 cây/lần	572,800	87.277	49.992.260
1.1.5	Duy trì cây cảnh tạo hình	100 cây/năm	3,580	19.742.456	70.677.994
1.1.6	Tưới nước thâm cỏ - Bằng nước máy tưới thủ công	100 m2/lần	4.366,400	47.006	205.247.959
1.1.7	Phát thâm cỏ bằng máy	100 m2/lần	327,480	95.150	31.159.843
1.1.8	Bón phân cỏ	100 m2/lần	54,580	544.663	29.727.730
1.1.9	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng thủ công	100 m2/lần	336,000	93.121	31.288.663
1.1.10	Duy trì bồn cảnh, không hàng rào	100 m2/năm	2,100	12.046.403	25.297.445
1.1.11	Quét rác trong công viên, mảng xanh - Vị trí quét rác: Thâm cỏ	1000 m2/lần	261,984	96.116	25.180.765
1.1.12	Quét rác trong công viên, mảng xanh - Vị trí quét rác: Đường gạch	1000 m2/lần	,928	43.633	1.305.851
1.1.13	Thu gom rác về điểm tập kết trong công viên bằng thủ công, cự ly bình quân 200m	1 tấn rác	40,920	96.733	3.958.322
1.1.14	Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly ≤ 5km bằng xe 7 tấn	1 tấn rác	40,920	96.093	3.932.136
1.1.15	Vận chuyển rác đến địa điểm đổ cho 1km tiếp theo, xe 7 tấn	1 tấn rác/1Km	40,920	18.020	737.384
<b>1.2</b>	<b>VIII. Đường Vành đai đoạn 2 (tưới nước thủy cục)</b>				
1.2.1	Duy trì cây bóng mát loại 1	1 cây/năm	124,000	216.439	26.838.448
1.2.2	Mé nhánh không thường xuyên cây xanh - Cây xanh loại 1	1 cây/lần	124,000	453.641	56.251.441
1.2.3	Vận chuyển rác cây lấy cành khô, cành gãy do mưa bão, cắt mé tạo tán, tạo hình - Cây xanh loại 1	1 cây	124,000	16.439	2.038.434

1.2.4	Tưới nước thâm cỏ - Bằng nước máy tưới thủ công	100 m2/lần	8.404,800	47.006	395.077.878
1.2.5	Phát thâm cỏ bằng máy	100 m2/lần	840,480	95.150	79.971.983
1.2.6	Bón phân cỏ	100 m2/lần	140,080	544.663	76.296.453
1.2.7	Phát thâm cỏ bằng máy (Đường Vành đai đoạn 2 phần vỉa hè)	100 m2/lần	261,480	30.484	7.971.019
1.2.8	Quét rác trong công viên, mảng xanh - Vị trí quét rác: Đường gạch	1000 m2/lần	156,888	43.633	6.845.510
1.2.9	Thu gom rác về điểm tập kết trong công viên bằng thủ công, cự ly bình quân 200m	1 tấn rác	141,320	96.733	13.670.333
1.2.10	Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly ≤ 5km bằng xe 7 tấn	1 tấn rác	141,320	96.093	13.579.898
1.2.11	Vận chuyển rác đến địa điểm đổ cho 1km tiếp theo, xe 7 tấn	1 tấn rác/1Km	141,320	18.020	2.546.605
1.2.12	Phát thâm cỏ bằng máy (Khu đất E4 (Lô TC))	100 m2/lần	701,580	30.484	21.387.133
1.2.13	Phát thâm cỏ bằng máy (Khu đất lô E5 (E5-4, E5-7, E5-8))	100 m2/lần	674,920	30.484	20.574.423
<b>2</b>	<b>Khu vực 5</b>				
<b>2.1</b>	<b>IX. Đường D2 - giai đoạn II vỉa hè (tưới nước xe bồn)</b>				
2.1.1	Duy trì cây bóng mát loại 1	1 cây/năm	374,000	216.439	80.948.223
2.1.2	Tưới nước cây kiểng trồng hoa, cây kiểng tạo hình và dây leo - Bằng xe bồn: Xe bồn 8 m3	100 cây/lần	214,400	48.870	10.477.636
2.1.3	Duy trì cây cảnh tạo hình	100 cây/năm	1,340	19.742.456	26.454.892
2.1.4	Tưới nước thâm cỏ - Bằng xe bồn: Xe bồn 8 m3	100 m2/lần	10.086,400	67.247	678.284.478
2.1.5	Phát thâm cỏ bằng máy	100 m2/lần	756,480	95.150	71.979.352
2.1.6	Bón phân cỏ	100 m2/lần	126,080	544.663	68.671.165
2.1.7	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng thủ công	100 m2/lần	753,600	93.121	70.176.001
2.1.8	Duy trì bồn cảnh, không hàng rào	100 m2/năm	4,710	12.046.403	56.738.556
2.1.9	Phát thâm cỏ bằng máy (đường D2- giai đoạn 2 phần vỉa hè)	100 m2/lần	1.279,320	30.484	38.999.098
2.1.10	Quét rác trong công viên, mảng xanh - Vị trí quét rác: Đường gạch	1000 m2/lần	767,592	43.633	33.492.418
2.1.11	Thu gom rác về điểm tập kết trong công viên bằng thủ công, cự ly bình quân 200m	1 tấn rác	362,520	96.733	35.067.712
2.1.12	Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly ≤ 5km bằng xe 7 tấn	1 tấn rác	362,520	96.093	34.835.725
2.1.13	Vận chuyển rác đến địa điểm đổ cho 1km tiếp theo, xe 7 tấn	1 tấn rác/1Km	362,520	18.020	6.532.658
<b>2.2</b>	<b>X. Đường D2 - giai đoạn II dải phân cách (tưới nước thủy cục kết hợp xe bồn)</b>				
2.2.1	Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng thủ công	100 cây/lần	368,000	87.277	32.117.932

2.2.2	Tưới nước cây kiểng trở hoa, cây kiểng tạo hình và dây leo - Bằng xe bồn: Xe bồn 8 m <sup>3</sup>	100 cây/lần	369,600	48.870	18.062.193
2.2.3	Duy trì cây cảnh tạo hình	100 cây/năm	4,610	19.742.456	91.012.724
2.2.4	Tưới nước thảm cỏ - Bằng nước máy tưới thủ công	100 m <sup>2</sup> /lần	14.145,600	47.006	664.931.186
2.2.5	Tưới nước thảm cỏ - Bằng xe bồn: Xe bồn 8 m <sup>3</sup>	100 m <sup>2</sup> /lần	14.145,600	67.247	951.255.246
2.2.6	Phát thảm cỏ bằng máy	100 m <sup>2</sup> /lần	2.121,840	95.150	201.893.861
2.2.7	Bón phân cỏ	100 m <sup>2</sup> /lần	353,640	544.663	192.614.775
2.2.8	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng thủ công	100 m <sup>2</sup> /lần	980,800	93.121	91.333.096
2.2.9	Tưới nước bồn hoa, bồn kiểng, cây hàng rào, rau muống biển, cúc xuyên chi - Bằng xe bồn: Xe bồn 8 m <sup>3</sup>	100 m <sup>2</sup> /lần	980,800	51.045	50.064.985
2.2.10	Duy trì bồn cảnh, không hàng rào	100 m <sup>2</sup> /năm	12,260	12.046.403	147.688.895
2.2.11	Phát thảm cỏ bằng máy (Khu đất trống dưới dạ cầu Rạch Lân)	100 m <sup>2</sup> /lần	43,200	30.484	1.316.919
2.2.12	Thu gom rác về điểm tập kết trong công viên bằng thủ công, cự ly bình quân 200m	1 tấn rác	226,800	96.733	21.939.085
2.2.13	Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly ≤ 5km bằng xe 7 tấn	1 tấn rác	226,800	96.093	21.793.949
2.2.14	Vận chuyển rác đến địa điểm đổ cho 1km tiếp theo, xe 7 tấn	1 tấn rác/1Km	226,800	18.020	4.086.965
<b>A</b>	<b>Tổng cộng (Đã bao gồm thuế, phí)</b>				<b>4.960.620.171</b>

**Bảng chữ:** Bốn tỷ, chín trăm sáu mươi triệu, sáu trăm hai mươi ngàn, một trăm bảy mươi một đồng./.

**Phụ lục 2**

**KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU GÓI THẦU  
 DỰ TOÁN MUA SẴM THUÊ DỊCH VỤ CHĂM SÓC, BẢO DƯỠNG CÂY  
 XANH GÓI THẦU CHĂM SÓC, BẢO DƯỠNG MẢNG XANH KHU VỰC 4,5  
 THUỘC CÔNG TRÌNH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG VÀ TIỆN ÍCH  
 CÔNG CỘNG TẠI KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Kèm theo Quyết định số 654/QĐ-CVCX ngày 13 tháng 3 năm 2026)*

Stt	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
	Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu							
1	Phi tư vấn - Thuê dịch vụ Chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh gói thầu Chăm sóc, bảo dưỡng mảng xanh Khu vực 4,5 thuộc công trình Bảo trì công trình hạ tầng và tiện ích công cộng tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	Chăm sóc, bảo dưỡng mảng xanh Khu vực 4,5 thuộc công trình Bảo trì công trình hạ tầng và tiện ích công cộng tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	4.960.620.171	Sản xuất kinh doanh của Công ty	Chào hàng cạnh tranh thông thường	1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ	Tháng 3/2026	Đơn giá cố định	12 tháng